

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 768/TTr-STNMT ngày 11/12/2018; Báo cáo thẩm định số 75/BCTĐ-STP ngày 09/11/2018 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2019 và thay thế Quyết định số 1168/2012/QĐ-UBND ngày 27/7/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Tư pháp; Chủ

tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TTTU, TTHĐND TP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP;
- CT, các PCT UBNDTP;
- Vụ Pháp chế (Bộ TNMT);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Như Điều 3;
- Công thông tin điện tử TP;
- Công báo TP; Báo Hải Phòng;
- Đài PT&TH Hải Phòng;
- CPV, các PCVP;
- Phòng NN, TN&MT; ✓
- CV: ĐC2, ĐC3, ĐC1, QH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

QUY CHẾ

Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 13 /2019/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám, tài nguyên môi trường biển và hải đảo (sau đây gọi là thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường); khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu; Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là các thông tin, dữ liệu, hồ sơ, tài liệu được quy định tại Điều 4 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 4. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường là tập hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá và tổ chức quản lý, lưu trữ một cách có hệ thống, được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng (sau đây gọi tắt là Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thành phố) là cơ sở dữ liệu tích hợp, tập hợp từ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý.

Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thành phố phải phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Kiến trúc Chính quyền điện tử thành phố; được xây dựng và kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý, khai thác, cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu thuận tiện, hiệu quả.

Điều 5. Các hành vi nghiêm cấm

1. Chiếm đoạt, làm hỏng, cố ý làm mất dữ liệu tài nguyên và môi trường.
2. Làm giả, sửa chữa, làm sai lệch nội dung dữ liệu tài nguyên và môi trường.
3. Truy cập, mua bán, chuyển giao, hủy trái phép thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.
4. Sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường vào mục đích trái pháp luật, xâm phạm lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
5. Lợi dụng việc cung cấp dữ liệu để sách nhiễu, trục lợi, phát tán các dữ liệu trái với quy định của pháp luật.
6. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

THU THẬP, CUNG CẤP, KHAI THÁC THÔNG TIN, DỮ LIỆU; XÂY DỰNG, VẬN HÀNH, CẬP NHẬT, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 6. Giao nộp dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ tại Điều 17 của Quy chế này, sau khi hoàn thành nhiệm vụ thu sản phẩm có trách nhiệm giao nộp dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu do mình giao nộp.

2. Các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố thuộc diện phải lắp đặt thiết bị quan trắc môi trường tự động, liên tục theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc truyền kết quả quan trắc môi trường tự động, liên tục, trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường, đồng thời có trách nhiệm tự bảo quản, bảo dưỡng, duy trì và vận hành thiết bị để đảm bảo tính chính xác của dữ liệu môi trường được quan trắc và truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Dữ liệu tài nguyên và môi trường khi giao nhận phải được lập thành biên bản và lưu vào hồ sơ theo Quy chế này. Biên bản giao nộp hoặc Giấy xác nhận

giao nộp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường là một trong những cơ sở để xác định hoàn thành công trình, dự án hoặc nhiệm vụ được giao.

Điều 7. Kiểm tra, đánh giá, xử lý, cập nhật dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Dữ liệu tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, đánh giá và xử lý. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tuân thủ theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý, cập nhật dữ liệu kịp thời khi có biến động và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường thành phố.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện.

Điều 8. Bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Lưu trữ dữ liệu

a) Dữ liệu thu thập được phải được kịp thời phân loại, đánh giá, xử lý về mặt vật lý, hoá học và chuẩn hoá, số hoá để lưu trữ, bảo quản.

b) Việc lưu trữ, bảo quản dữ liệu tài nguyên và môi trường, tiêu hủy tài liệu hết giá trị phải tuân theo các quy định của pháp luật về lưu trữ, các quy định, quy trình, quy phạm và quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

c) Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được phân loại theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

d) Việc in, sao, chụp, vận chuyển, giao nhận, truyền dữ liệu tài liệu, lưu giữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải tuân theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

đ) Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lưu trữ dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố.

e) Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp dữ liệu địa chính cho Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thành phố.

2. Bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu số

Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin, có biện pháp tổ chức, quản lý, vận hành và kỹ thuật nhằm đảm bảo an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu đối với hệ thống lưu trữ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan thực

hiện kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn thông tin, tổ chức thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an toàn thông tin đối với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 9. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân theo các quy định tại Điều 5 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 10. Xây dựng, vận hành và cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân thành phố trong việc chủ trì, phối hợp, hướng dẫn các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc giao nộp thông tin, dữ liệu; xây dựng, vận hành và cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thành phố.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Xây dựng các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát để vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thành phố.

b) Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí bảo đảm thường xuyên, liên tục, định kỳ cập nhật nội dung cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

c) Xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ bảo đảm cơ sở dữ liệu có hiệu suất vận hành và sẵn sàng đáp ứng cao.

d) Xây dựng và thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu. Trong trường hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hư hỏng, bị phá hủy do các hành vi trái phép phải có cơ chế bảo đảm phục hồi được thông tin, dữ liệu.

Điều 11. Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu từ hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng được thực hiện thông qua các hình thức sau đây:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện truy cập trực tiếp vào hệ thống cơ sở dữ liệu, thông qua hệ thống phần mềm ứng dụng trên hạ tầng mạng LAN, WAN, hoặc hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố.

b) Các Sở, ban, ngành kết nối, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng thông tin trên mạng Internet thông qua Cổng thông tin điện tử thành phố hoặc Trang thông tin điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường. 2

c) Các tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu đối với cơ quan quản lý, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

d) Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu bằng hình thức hợp đồng giữa đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu và bên khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng được phép khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường:

Đối tượng được phép khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường là các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng vào mục đích hợp pháp.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì, có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân thành phố thu thập, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường của địa phương, cụ thể:

1. Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, lập và trình Ủy ban nhân dân thành phố Kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm của thành phố theo quy định; tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt.


2. Tiếp nhận, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường; tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu, cổng thông tin tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các cơ sở dữ liệu thành phố Hải Phòng, các tỉnh, thành phố khác và các bộ, ngành.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

4. Lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

5. Cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường; thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu của Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường địa phương theo quy định;

6. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

7. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thiết lập hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống cơ sở dữ liệu theo đúng mô hình triển khai được phê duyệt. 

8. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập dự toán kinh phí phục vụ cho công tác thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố.

9. Định kỳ hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin để hỗ trợ quản lý, duy trì, lưu trữ cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường hoạt động liên tục, hiệu quả.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghệ thông tin, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, phát huy hiệu quả cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ cho các ngành, các lĩnh vực.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc thẩm định sự phù hợp của cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thành phố với Kiến trúc Chính quyền điện tử thành phố.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn xây dựng kinh phí; trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kinh phí phục vụ cho công tác quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường; hướng dẫn, kiểm tra việc thu, nộp, quản lý, sử dụng kinh phí khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Điều 15. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành thành phố

Hàng năm, theo chức năng, nhiệm vụ của mình xác định, lập danh mục dữ liệu tài nguyên và môi trường cần thu thập, cập nhật, đề xuất các hoạt động, nhiệm vụ thu thập gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 9 hàng năm để tổng hợp, lập dự thảo kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Tham gia góp ý bằng văn bản sau khi nhận được dự thảo kế hoạch thu thập, quản lý dữ liệu hàng năm do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường trong lĩnh vực phụ trách.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các quận, huyện

Có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của thành phố.

Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tiến hành thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn quận, huyện; cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định. *g*

Điều 17. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khác có liên quan

Tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường có sử dụng nguồn vốn ngân sách sự nghiệp môi trường, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học và công nghệ (hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước) và các tổ chức, doanh nghiệp khác (thuộc diện phải nộp dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định của Nhà nước) trên địa bàn thành phố Hải Phòng có trách nhiệm giao nộp dữ liệu tài nguyên và môi trường theo Điều 6 Quy chế này.

Điều 18. Xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, xây dựng trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành

Các dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, xây dựng bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định sau:


1. Đối với những dữ liệu đã được nghiệm thu, đánh giá thì các cơ quan, tổ chức đang quản lý dữ liệu có trách nhiệm cung cấp toàn bộ dữ liệu đó cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời hạn cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường hoàn thành chậm nhất là 06 tháng, kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

Dữ liệu giao nộp phải có nguồn gốc và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận tính hợp pháp và giá trị thông tin.

2. Đối với nhiệm vụ, dự án, đề án, đề tài, chương trình đang triển khai thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước thì tổ chức, cá nhân phải giao nộp theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

Điều 19. Kinh phí thu thập, xử lý, khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Kinh phí thu thập, xử lý, quản lý thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường; xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố được phân bổ từ nguồn kinh phí sự nghiệp tài nguyên và môi trường hàng năm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Hàng năm, Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu; xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường giao các đơn vị thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng